

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**
Bản án số: **44/2022/DS-ST**

Ngày: 30/9/2022
V/v: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Công
2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà:
Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2021/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2021, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-DS ngày 24/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-DS ngày 12/7/2022, Thông báo mở phiên tòa số 16/TB-TA ngày 29/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-DS ngày 13/9/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 12/2022/QĐST-DS ngày 27/9/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ 10, khu phố 5, phường T, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

*Bị đơn: Ông Lê Văn R, sinh năm 1977, địa chỉ: Phường N, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt nhiều lần không có lý do).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Hoàng P, sinh năm 1984, địa chỉ: Phường N, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt lần hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/5/2021, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa, nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Kim A là chủ sử dụng của thửa đất số 659 (cũ: 303, 273), tờ bản đồ số 30 (cũ: 05), diện tích 154,9m² tọa lạc tại phường N, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số AC 633806 do Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Bà Rịa (nay là thành phố Bà Rịa) cấp ngày 25/7/2005, chính lý sang tên bà A ngày 21/5/2007. Nguồn gốc của thửa đất

trước đây của ông Lê Văn T (cha của ông Lê Văn R). Năm 2006, ông T làm thủ tục tách thửa, chuyển nhượng một phần cho bà Phạm Thị Tuyết N. Sau đó, vào năm 2007, bà Nga chuyển nhượng cho bà A.

Quá trình sử dụng, năm 2019, ông Trần Quang H và bà Lê Thị S là chủ sử dụng của thửa đất 302 (mới 274), tờ bản đồ số 05 là thửa đất giáp ranh đất của bà A khởi kiện bà A về việc tranh chấp quyền sử dụng đất. Căn cứ kết quả kiểm tra đo đạc thể hiện tại Sơ đồ vị trí do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu lập ngày 17/6/2020 và ngày 11/9/2020, Tòa án đã xác định bà A đã sử dụng không đúng vị trí thửa đất, lấn chiếm một phần sang thửa đất của ông H, bà S nên buộc bà A phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm (Bản án sơ thẩm số 25/2020/DST-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa và Bản án phúc thẩm số 03/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu). Cũng căn cứ hai Sơ đồ ngày 17/6/2020 và ngày 11/9/2020, bà A phát hiện một phần diện tích thửa đất 659 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà hiện đang do ông Lê Văn R là chủ thửa đất giáp ranh bên cạnh đang sử dụng. Do đó, bà A khởi kiện yêu cầu ông R phải trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm khoảng 22m² và tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc có trên đất.

Bà A nhất trí với kết quả đo vẽ thể hiện tại Mảnh đo đạc chính lý Bản đồ địa chính năm 2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập, duyệt ngày 28/3/2022 (sau đây gọi tắt là Sơ đồ đo vẽ); đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 08/11/2021, không yêu cầu định giá lại.

Ngày 27/9/2022, bà A yêu cầu chỉnh sửa sơ đồ theo hướng đề nghị xác định rõ phần diện tích đất ngang 0,24m x dài hết đất (theo ranh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A đã được cấp), trên đất có phần bức tường thuộc căn nhà của ông Lê Văn R đang sử dụng; xác định lại phần diện tích đất chồng lấn còn lại sau khi khấu trừ phần diện tích đất 0,24m x dài hết đất nói trên. Kết quả chỉnh sửa thể hiện tại Mảnh trích đo địa chính số 26/2022 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập, duyệt ngày 29/9/2022 (sau đây gọi tắt là Sơ đồ ngày 29/9/2022).

Bị đơn trình bày:

Thửa đất của ông Lê Văn R và bà Nguyễn Kim A đang sử dụng đều có nguồn gốc của ông Lê Văn T (cha ruột của ông Lê Văn R), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Năm 2003, ông T chia đất cho các người con trong đó có ông R. Khi chia, có làm thủ tục tách thửa và đã được cấp giấy chứng nhận cho các thửa con. Các phần đất đã được chia lần lượt được chuyển nhượng cho người khác trong đó có bà A. Phần đất ông R đang sử dụng cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, ranh giới ổn định từ xưa đến nay không thay đổi; trên đất có 01 (một) căn nhà của ông R đang ở và 01 (một) quán cà phê do ông R đang cho em gái là bà Lê Thị Hoàng P buôn bán, quản lý. Phần đất này thuộc quyền sử dụng của cá nhân ông, không liên quan đến cá nhân nào khác do ông chưa lập gia đình.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà A, ông R xác định ông sử dụng đúng hiện trạng sử dụng đất, đúng vị trí và diện tích đã được nhà nước công nhận, không lấn chiếm đất của ai nên ông không đồng ý với yêu cầu của bà A. Trường hợp bà A

muốn lấy đất thì phải trả tiền cho gia đình của ông theo giá trị trường trên cơ sở hai bên cùng thỏa thuận.

Ông R nhất trí với kết quả đo vẽ thể hiện tại Mạnh đo đạc chính lý Bản đồ địa chính năm 2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập, duyệt ngày 28/3/2022 (sau đây gọi tắt là Sơ đồ đo vẽ); đồng ý với kết quả định giá của Hội đồng định giá ngày 08/11/2021, không yêu cầu định giá hay đo vẽ lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Hoàng P trình bày:

Bà P là em ruột của ông Lê Văn R. Năm 2014, bà dựng quán cà phê trên một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông R buôn bán. Quán cà phê lợp tôn, vách tôn. Hiện bà Nguyễn Kim A đang tranh chấp một phần diện tích đất với ông R, trên đất có phần tài sản của bà. Bà P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp phải tháo dỡ, di dời quán cà phê, bà P không yêu cầu bồi thường hay giải quyết hậu quả trong vụ án này.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có nguyện vọng hòa giải và không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới. Tuy nhiên, bà A tự nguyện để lại phần đất có diện tích 7,2m² được ký hiệu 8-B-A-7-8 trên Sơ đồ ngày 29/9/2022 cho ông Lê Văn R tiếp tục sử dụng, không yêu cầu ông R phải hoàn trả giá trị phần diện tích đất 7,2m² nói trên. Bà A xác định phần diện tích đất tranh chấp còn lại và yêu cầu ông R phải hoàn trả cho bà là 20m² được ký hiệu 8-C-B-A-8 theo Sơ đồ ngày 29/9/2022 và yêu cầu ông R, bà P phải di dời, tháo dỡ toàn bộ vật kiến trúc có trên phần đất này; bà A không hỗ trợ việc tháo dỡ, di dời.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và do Tòa án thu thập được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Kim A có đơn khởi kiện ông Lê Văn R, yêu cầu Tòa án buộc ông R phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa và đất đang tranh chấp

tọa lạc tại thành phố Bà Rịa. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn – ông Lê Văn R và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Hoàng P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim A về việc yêu cầu ông Lê Văn R phải trả lại phần đất có diện tích 22,4m² theo Mạnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính năm 2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa lập, duyệt ngày 28/3/2022:

Phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc nằm trong tổng diện tích 1690,7m² (trong đó có 200m² đất ở và 1101,6m² đất tR cây lâu năm) thuộc thửa 48, tờ bản đồ số 5 tọa lạc tại phường N, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã Bà Rịa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 837365 ngày 04/02/2002 cho ông Lê Văn T.

Năm 2005, ông T làm thủ tục tách thửa đất 48 thành 08 (tám) thửa nhỏ bao gồm thửa 48/301 với diện tích 138,9m² đất SXNN; thửa 48/302 với diện tích 151,1m² đất SXNN; thửa 48/303 với diện tích 154,9m² (có 50m² đất ở); thửa 48/304 với diện tích 162,2m² (có 50m² đất ở); thửa 48/305 với diện tích 105,7m² đất SXNN; thửa 48/306 với diện tích 102,3m² đất SXNN; thửa 48/307 với diện tích 91,6m² đất SXNN và thửa 48 với diện tích 394,9m² (có 100m² đất ở). Hồ sơ tách thửa có kèm Sơ đồ vị trí khu đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Bà Rịa lập ngày 24/6/2005, được đo vẽ theo yêu cầu của ông Lê Văn T, người chỉ ranh là ông Lê Văn T. Các thửa đất đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) mới đứng tên ông Lê Văn T. Theo đó, thửa 303 được cấp GCN QSDĐ số AC 633806, thửa 304 được cấp GCN QSDĐ số AC 633805 cùng ngày 25/7/2005.

Cùng năm 2005, ông Lê Văn T chuyển nhượng thửa 304 cho con trai là ông Lê Văn R.

Năm 2006, ông Lê Văn T chuyển nhượng thửa 303 cho bà Phạm Thị Tuyết N, xác nhận chuyển nhượng sang tên ngày 07/4/2006. Năm 2007, bà N tiếp tục chuyển nhượng thửa 303 cho bà Nguyễn Kim A, xác nhận chuyển nhượng sang tên ngày 21/5/2007.

Quá trình sử dụng, năm 2019, thửa 303 (số mới 273) thuộc quyền sử dụng của bà A có phát sinh tranh chấp với ông Trần Quang H và bà Lê Thị S là chủ sử dụng thửa đất 302 (số mới 274) giáp ranh. Vụ án đã được giải quyết bằng Bản án sơ thẩm số 25/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa và Bản án phúc thẩm số 03/2021/DS-PT ngày 11/01/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo đó, bà A phải trả lại cho ông H, bà S phần diện tích

đất 22m² do sử dụng chồng lấn. Thông qua vụ việc tranh chấp với ông H - bà S, bà A phát hiện một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình hiện đang do ông Lê Văn R quản lý sử dụng nên bà A khởi kiện yêu cầu ông R hoàn trả.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã có công văn yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa tiến hành đo đạc, lập sơ đồ thể hiện vị trí, diện tích đất tranh chấp trên cơ sở sự chỉ ranh của các bên, hiện trạng sử dụng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các bên đã được cấp. Kết quả đo đạc được thể hiện tại Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính năm 2022 ngày 28/3/2022. Sơ đồ đã được công khai cho các đương sự trong vụ án; không ai có yêu cầu đo vẽ lại. Theo đó, phần đất đang tranh chấp có diện tích 22,4m² thuộc thửa 303 (mới 659) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng của bà Nguyễn Kim A, thực tế do ông Lê Văn R đang sử dụng.

Ông Lê Văn R trình bày phần đất ông đang sử dụng đã có ranh giới từ thời ông Lê Văn T, hiện trạng giữ nguyên không thay đổi; chính bà A còn chủ động xây tường rào bao quanh đất nên không có việc ông lấn chiếm đất của bà. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy thửa 303, 304 mà ông R, bà A đang sử dụng có nguồn gốc của ông Lê Văn T, do chính ông Lê Văn T yêu cầu tách thửa và chỉ ranh, đo đạc và đã được cấp giấy chứng nhận. Ông R, bà A đều nhận chuyển nhượng lại và sau khi nhận chuyển nhượng, các bên không có ý kiến điều chỉnh diện tích, vị trí của thửa đất nên phải tuân thủ đúng nghĩa vụ chung của người sử dụng đất là “Sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất, ...” theo Khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, việc ông Lê Văn R sử dụng đất lấn sang ranh giới của bà Nguyễn Kim A là vi phạm nên yêu cầu khởi kiện của bà A về việc buộc ông R phải trả lại phần diện tích đã lấn chiếm 22,4m² là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa, bà A tự nguyện giảm một phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà theo giấy chứng nhận đã được cấp để cho ông Lê Văn R tiếp tục sử dụng, cụ thể: Bà A đồng ý để lại phần đất có diện tích 7,2m² được ký hiệu 8-B-A-7-8 theo Sơ đồ ngày 29/9/2022 cho ông R tiếp tục sử dụng, không yêu cầu ông R phải trả giá trị phần đất này. Bà chỉ yêu cầu ông R phải trả phần đất đã lấn chiếm là 20m² được ký hiệu 8-C-B-A-8 theo Sơ đồ ngày 29/9/2022. Xét thấy, việc tự nguyện này của bà A có lợi cho bị đơn, không trái quy định pháp luật, thuận lợi cho quá trình giải quyết tranh chấp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Kim A, yêu cầu ông Lê Văn R và bà Lê Thị Hoàng P phải tháo dỡ phần vật kiến trúc đã xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm:

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/11/2021 và ngày 14/01/2022: Trên phần đất đang tranh chấp có một phần bức tường thuộc căn nhà do gia đình ông Lê Văn R xây dựng và đang sử dụng (diện tích thể hiện trên Sơ đồ đo vẽ là 0,5m²); một phần quán cà phê được xây dựng bằng tôn (vách tôn, cột inox, mái tôn, che lưới, khung sắt) do bà P xây dựng và buôn bán. Toàn bộ phần vật kiến trúc này được xây dựng trên phần diện tích đất đã được công nhận cho bà Nguyễn Kim A nên yêu cầu của bà A về việc buộc tháo dỡ là có cơ sở nên chấp nhận. Tuy

nhiên, đối với phần bức tường có diện tích $0,5m^2$ nằm trên phần đất $7,2m^2$ bà A đã tự nguyện để lại cho ông R tiếp tục sử dụng nên không cần thiết phải tháo dỡ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim A được chấp nhận nên ông Lê Văn R phải chịu án phí dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về các chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét, thẩm định, định giá đo vẽ, sao lục hồ sơ là 10.000.000 (mười triệu) đồng, ông Lê Văn R phải chịu theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà A đã nộp tạm ứng khoản tiền này và tự nguyện chịu toàn bộ nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, các điều 147, 157, 165, 271, 273, 278 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 166, Khoản 1 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013;
- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim A đối với ông Lê Văn R.
2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đối với phần đất có diện tích $7,2m^2$ thuộc thửa 303 (mới: 659) tờ bản đồ 05 (mới 30) tọa lạc tại phường N, thành phố Bà Rịa được ký hiệu 8-B-A-7-8 theo Mảnh trích đo địa chính số 26/2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa cấp ngày 29/9/2022 cho bị đơn ông Lê Văn R được quyền sử dụng.
3. Buộc ông Lê Văn R phải trả lại cho bà Nguyễn Kim A phần đất có diện tích $20m^2$ thuộc thửa 303 (mới: 659) tờ bản đồ 05 (mới 30) tọa lạc tại phường N, thành phố Bà Rịa được ký hiệu 8-C-B-A-8 theo Mảnh trích đo địa chính số 26/2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa cấp ngày 29/9/2022.
4. Buộc ông Lê Văn R, bà Lê Thị Hoàng P tháo dỡ, di dời phần vật kiến trúc có trên đất là một phần quán cà phê xây dựng tạm gồm mái che tôn, nền xi măng diện tích $1,3m \times 12m$; hàng rào lưới B40 cao $1,6m \times 14m$ theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Bà Nguyễn Kim A, ông Lê Văn R có quyền, nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký chính lý quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

5. Về án phí:

- Ông Lê Văn R phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.
- Hoàn trả cho bà Nguyễn Kim A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003696 ngày 18/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa.

6. Về chi phí tố tụng khác: Chi phí định giá, đo vẽ, xem xét, thẩm định tại chỗ và sao lục hồ sơ là 10.000.000 (mười triệu) đồng, bà A tự nguyện chịu toàn bộ. Bà A đã nộp xong.

7. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm; riêng những người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Kèm theo Bản án là Mạnh trích đo địa chính số 26/2022 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Bà Rịa cấp ngày 29/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm